

2551146

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT  
Lần đầu: 12/1/2011

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm

**PYME CZ10**  
THUỐC KHÁNG DỊ ỨNG

Cetirizin Dihydroclorid 10mg



SĐK / VISA: XX -XXXX - XX

Số lô SX / Lot :  
Ngày SX / Mfg :  
HD / Exp :

**PYME CZ10**

COMPOSITION - Each softcap contains  
Cetirizine dihydrochloride 10mg

INDICATIONS, CONTRAINDICATIONS,  
DOSAGE, ADMINISTRATION  
Read the leaflet inside.

STORAGE - In a dry, cool place (below 30°C).  
Protect from light.

SPECIFICATIONS - In-house.

FOR FULL PRESCRIBING INFORMATION,  
SEE PACKAGE INSERT

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
READ THE LEAFLET CAREFULLY BEFORE USING



8 936014 58704 1

96 x 86 x 52

**PYME CZ10**  
ANTI-ALLERGIC AGENT

Hộp 10 vỉ x 10 vỉ vỉ vỉ vỉ

**PYME CZ10**  
ANTI-ALLERGIC AGENT

Cetirizine Dihydrochloride 10mg



**PYME CZ10**

THÀNH PHẦN - Mỗi viên nang mềm chứa  
10mg  
Cetirizin dihydroclorid

CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG,  
CÁCH DÙNG - Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

ĐỂ QUẢN  
Nơi khô, mát (dưới 30°C), Tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN - TCCS

CÁC THÔNG TIN KHÁC  
XEM TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

ĐỀ MẪU TỰ THIẾT KẾ  
ĐƯỢC KHÍ DÙNG



**TRẦN VĂN NAM**  
TỔNG GIÁM ĐỐC



**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CTY CP PYMEPHARCO

**PYME CZ10**

Cetirizin 2HCl 10mg

CT **Số lô SX: ABMMYY** HD: Ngày / Tháng / Năm CO

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.*

*Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ. Để xa tầm tay của trẻ em.*

### **Pyme CZ10**

**(Cetirizin dihydroclorid 10mg)**

**THÀNH PHẦN:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Cetirizin dihydroclorid 10 mg

*Tá dược:* Polyetylen glycol 400, gelatin BL200, sorbitol, glycerin, methyl paraben, propyl paraben, nước tinh khiết.

#### **DƯỢC LÝ HỌC**

Cetirizin là thuốc kháng histamin mạnh có tác dụng chống dị ứng, nhưng không gây buồn ngủ ở liều được lí. Cetirizin có tác dụng đối kháng chọn lọc ở thụ thể H1, nhưng hầu như không có tác dụng đến các thụ thể khác, do vậy hầu như không có tác dụng đối kháng acetylcholin và serotonin. Cetirizin ức chế giai đoạn sớm của phản ứng dị ứng qua trung gian histamin và cũng làm giảm sự di dời của các tế bào viêm và giảm giải phóng các chất trung gian ở giai đoạn muộn của phản ứng dị ứng.

#### **DƯỢC ĐỘNG HỌC**

Nồng độ đỉnh trong máu ở mức 0,3 microgam/ml sau 30 - 60 phút khi uống liều 10 mg. Nửa đời huyết tương xấp xỉ 11 giờ. Hấp thu thuốc không thay đổi giữa các cá thể.

Độ thanh thải thận là 30 ml/phút và nửa đời thải trừ xấp xỉ 9 giờ. Cetirizin liên kết mạnh với protein huyết tương (khoảng 93%).

#### **CHỈ ĐỊNH**

Điều trị triệu chứng các biểu hiện dị ứng:

- Viêm mũi dị ứng, sổ mũi theo mùa và không theo mùa.
- Các bệnh ngoài da gây ngứa do dị ứng.
- Bệnh mề đay mạn tính.
- Viêm kết mạc dị ứng.

#### **CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Bệnh nhân mẫn cảm với thành phần của thuốc hoặc với hydroxyzin.

#### **LIỀU DÙNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG**

*Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi:* 1 viên 10 mg /ngày

*Trẻ em từ 2 đến 5 tuổi:* 5 mg/ngày.

*Trẻ từ 6 tháng đến 2 tuổi:* 2,5 mg/ngày.

Có thể uống cùng hoặc không cùng với thức ăn.

#### **THẬN TRỌNG**

Tránh dùng cetirizin chung với rượu hoặc các thuốc ức chế thần kinh trung ương khác vì có thể làm giảm tính táo.

Giảm liều ở người lớn tuổi.

Điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan và suy thận.

#### **TƯƠNG TÁC THUỐC**

Độ thanh thải cetirizin giảm nhẹ khi dùng chung với theophyllin.

#### **PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

Không nên dùng thuốc khi có thai. Phụ nữ cho con bú không nên dùng vì cetirizin bài tiết qua sữa.

#### **TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Ở một số người sử dụng cetirizin có hiện tượng ngủ gà, do vậy nên thận trọng khi lái xe và vận hành máy móc.

#### **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN**

Tác dụng hay gặp nhất là hiện tượng ngủ gà. Tỷ lệ gây nên phụ thuộc liều dùng. Ngoài ra thuốc còn gây mệt mỏi, khô miệng, chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn.

Ít gặp chán ăn hoặc thèm ăn, bí tiểu, đờ ỉa, tăng tiết nước bọt. Hiếm gặp các trường hợp thiếu máu, tan máu, hạ huyết áp, choáng phản vệ, viêm gan, ứ mật, viêm cầu thận.

Thông báo cho thầy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.



### **QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ**

Triệu chứng của quá liều là: ngủ gà ở người lớn, ở trẻ em có thể bị kích động. Khi quá liều nghiêm trọng cần gây nôn và rửa dạ dày cùng với các phương pháp hỗ trợ. Đến nay chưa có thuốc giải độc đặc hiệu.

**HẠN DÙNG** : 24 tháng kể từ ngày sản xuất

**BẢO QUẢN** : Nơi khô, mát (dưới 30 °C). Tránh ánh sáng.

**TIÊU CHUẨN** : Tiêu chuẩn cơ sở

**TRÌNH BÀY** : Hộp 10 vi, vi 10 viên.

### **CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO**

Số 166 – 170, Phố Nguyễn Huệ, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên



PHÓ CỤC TRƯỞNG

*Nguyễn Việt Hùng*